

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2025

V/v: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý A Hờ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Đình và ông Lý A Náng

- Thư ký phiên toà: Ông Lý A Đà - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: ông Ngọc Đức Thạo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2025 về việc: Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Sùng Páo L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản X, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phàng Thị S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản X, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Theo đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng anh Sùng Páo L trình bày:

Anh L và chị Phàng Thị S chung sống như vợ chồng từ năm 2010, đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 6 năm 2020 thì anh L và chị S đã tự viết biên bản thỏa thuận chấm dứt quan hệ hôn dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình, kể từ đó đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do đó anh L xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với chị Phàng Thị S.

- *Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Phàng Thị S trình bày:*

Chị thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân như anh L đã trình bày. Nay anh L đề nghị được ly hôn, chị S cũng nhận thấy giữa hai người đã không còn có tiếng nói chung, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh L.

2. Về con chung:

Chị S và anh L đều thừa nhận có 02 con chung là Sùng A T sinh ngày 05/07/2010 và Sùng Thị C sinh ngày 15/10/2014. Hiện các con đang sống cùng với anh L tại nơi cư trú thuộc bản X, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2025 chị S và anh L đã thống nhất, sau khi ly hôn anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị S không phải cấp dưỡng về việc nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2025 đối với cháu T và cháu C thể hiện: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của 02 cháu muốn ở cùng với bố.

3. Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

4. Về án phí: Trong quá trình tố tụng cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Tại biên bản xác minh ngày 03/6/2025 tại UBND xã L thể hiện: Chị S và anh L có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị S và anh L đã trình bày, cả chị S và anh L đều không có công ăn việc làm ổn định nhưng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

6. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình giải quyết các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Sùng Páo L và chị Phàng Thị S là vợ chồng.

+ Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự.

+ Đề nghị miễn toàn bộ án phí cho đương sự theo quy định.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn cư trú tại bản Xéo Dì H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái và quan hệ pháp luật tranh chấp là không công nhận là vợ chồng. Do đó căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống với nhau anh L và chị S có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị S là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận anh Sùng Páo L và chị Phàng Thị S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất việc nuôi con khi ly hôn. Sự thỏa thuận đó không trái với đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh L là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho anh L.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Sùng Páo L và chị Phàng Thị S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Sùng P Lờ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng A T sinh ngày 05/07/2010 và Sùng Thị C sinh ngày 15/10/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Phàng Thị S không phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Sùng Páo L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Sùng Páo L và chị Phàng Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Lao Chải;
- Lưu: HS.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý A H